



Số: 448/2010/BCKTC.AASC.KT1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương ("Ngân hàng") gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban lãnh đạo Ngân hàng cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2010

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**



**Tổng Giám đốc**

**Ngô Đức Đoàn**

**Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV**

**Kiểm toán viên**

**Phạm Anh Tuấn**

**Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2009

(Thực hiện theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007  
"Ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng")

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
<b>TÀI SẢN</b>		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	127.372	130.949
Tiền gửi tại NHNN	221.704	543.767
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	385.048	1.380.543
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	383.559	1.376.970
Cho vay các TCTD khác	1.500	3.600
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(11)	(27)
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>		
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>		
Cho vay khách hàng	9.600.247	7.844.450
Cho vay khách hàng	9.722.120	7.916.376
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(121.873)	(71.926)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	542.900	472.700
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	542.900	472.700
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	136.001	135.762
Đầu tư vào công ty con		
Vốn góp liên doanh		
Đầu tư vào công ty liên kết		
Đầu tư dài hạn khác	153.276	135.762
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(17.275)	
<b>Tài sản cố định</b>	492.276	331.216
Tài sản cố định hữu hình	469.605	303.423
Tài sản cố định thuê tài chính		
Tài sản cố định vô hình	22.671	27.793
<b>Bất động sản đầu tư</b>		
Tài sản có khác	370.367	365.972
Các khoản phải thu	269.915	224.930
Các khoản lãi, phí phải thu	95.412	137.309
Tài sản có khác	5.040	3.733
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>	<b>11.875.915</b>	<b>11.205.359</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
Các khoản nợ Chính Phủ và NHNN	319.629	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	573.355	1.893.137
Tiền gửi của các TCTD khác	483.650	1.893.137
Vay các TCTD khác	89.705	
Tiền gửi của khách hàng	8.481.534	7.164.714
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	13.035	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	118.701	114.053
Phát hành giấy tờ có giá	113.403	256.705
Các khoản nợ khác	321.508	306.984
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>9.941.165</b>	<b>9.735.593</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
Vốn và các quỹ	1.934.750	1.469.766
Vốn của TCTD	1.500.716	1.108.716
Vốn điều lệ	1.500.000	1.020.000
Thặng dư vốn cổ phần	716	88.716
Quỹ của TCTD	223.928	199.803
Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	210.106	161.247
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.934.750</b>	<b>1.469.766</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>11.875.915</b>	<b>11.205.359</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>		
Bảo lãnh vay vốn		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	62.036	61.023
Bảo lãnh khác	66.959	42.261

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.205.637	1.358.583
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	693.570	1.047.215
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>512.067</b>	<b>311.368</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	34.580	45.773
Chi phí hoạt động dịch vụ	10.148	8.149
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>24.432</b>	<b>37.624</b>
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.250	19.249
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	22	(727)
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư		
Thu nhập từ hoạt động khác	27.214	60.937
Chi phí hoạt động khác	7.523	7.777
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>19.691</b>	<b>53.160</b>
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	21.658	6.065
Chi phí hoạt động	221.792	173.857
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	362.328	252.882
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	84.003	31.628
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>278.325</b>	<b>221.254</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	68.219	60.007
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>68.219</b>	<b>60.007</b>
Lợi nhuận sau thuế	210.106	161.247
Lợi ích của cổ đông thiểu số		
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.572</b>	<b>1.581</b>

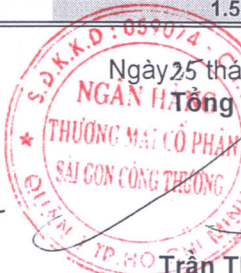
Lập bảng

Huỳnh Thế Mỹ

Kế toán trưởng

Hứa Tuấn Cường

Ngày 25 tháng 03 năm 2010



Tổng Giám đốc

Trần Thị Việt Ánh